

Số: 742 /PGDDĐT

Sơn Hòa, ngày 13 tháng 12 năm 2017

V/v hướng dẫn kiểm tra cuối học kì I
năm học 2017-2018

Kính gửi: Các trường tiểu học trong toàn huyện.

- Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học ;

- Thực hiện nhiệm vụ năm học 2017 - 2018;

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn kiểm tra cuối học kì I năm học 2017 – 2018 cấp tiểu học như sau:

I. Đề kiểm tra: giao nhiệm vụ cho Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện (phân công soạn và duyệt đề) với các yêu cầu sau:

- Thực hiện theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (Điều 15, Khoản 2, và Điều 18), theo đó Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì. Tuy nhiên để có được sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời đảm bảo sự khách quan, chất lượng của đề kiểm tra, Phòng Giáo dục và Đào tạo khuyến khích các trường thực hiện việc ra đề kiểm tra theo phương án: đề kiểm tra sẽ do giáo viên chủ nhiệm soạn, sau đó nộp về cho tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn chọn lọc và gửi cho Lãnh đạo nhà trường từ 2 cho đến 3 đề (trừ trường hợp đặc biệt khi trường chỉ có 1 lớp/khối thì chỉ cần gửi 1 đề). Lãnh đạo nhà trường sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối.

- Đề kiểm tra cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỉ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

+ Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học: **40%**.

+ Mức 2: hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: **30%**.

+ Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: **20%**.

+ Mức 4: vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lí trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: **10%**.

Riêng đối với các trường có học sinh dân tộc thiểu số, tùy tình hình thực tế của trường và năng lực học tập của học sinh, có thể điều chỉnh giảm tỉ lệ phần trăm mức 3, mức 4 và tăng tỉ lệ phần trăm mức 1, mức 2 lên cho phù hợp với đối tượng học sinh của đơn vị mình.

II. Việc coi và chấm bài kiểm tra: Do giáo viên chủ nhiệm thực hiện.

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT.

- Bài kiểm tra cuối kì được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại cho học sinh theo quy định tại của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Kiểm tra cuối học kì I là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh. Do đó, hiệu trưởng nhắc nhở giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên chủ nhiệm coi kiểm tra tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng. Khi chấm bài, giáo viên chủ nhiệm ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh trong HKII.

2. Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những quy định tại Điều 10 Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:

2.1. Môn Toán

- Thời gian làm bài:

+ Lớp 1: 35 phút

+ Lớp 2, 3, 4, 5: 40 phút

- Hình thức:

+ Trắc nghiệm: 4 điểm

+ Tự luận: 6 điểm

- Đối với các mạch kiến thức:

+ Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

+ Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 30%): tập trung về các bảng đơn vị đo.

+ Yếu tố hình học (khoảng 20%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.

+ Giải toán có lời văn thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Lưu ý:

▪ Lớp 1: Nhìn mô hình điền phép tính.

▪ Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.

▪ Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính.

▪ Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính.

▪ Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính.

- Ra đề kiểm tra theo ma trận:

+ Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

+ Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

2.2. Môn Tiếng Việt:

- Bám sát các nội dung quy định tại Điều 10, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT.
- Cần chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt sinh hoạt chuyên môn trước đây (độ dài đoạn văn đọc thành tiếng, văn bản sử dụng trong bài đọc thầm, tỉ lệ điểm của các câu hỏi trong bài đọc thầm tương ứng với tỉ lệ mức độ nhận thức cần đạt,...)

2.3. Môn Khoa học – Lịch sử - Địa lí:

- Khoa học: Kiểm tra cho điểm cuối học kì I và cả năm.
- Lịch sử - Địa lí: Kiểm tra cho điểm cuối học kì I và cả năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

2.3.1. Xác định hình thức đề kiểm tra:

- Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:
 - + Đề kiểm tra tự luận.
 - + Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan.
 - + Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.
- Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lí các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.
- Có thể soạn đề kiểm tra kết hợp hai hình thức: phần trắc nghiệm khách quan độc lập với bài kiểm tra phần tự luận. Thực hiện ma trận theo 4 mức độ (như phần hướng dẫn Thông tư 22)

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

2.3.2. Thời gian làm kiểm tra: Từ 35 đến 40 phút.

2.3.3. Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình.
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.
- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể.
- Hạn chế trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa.
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh.
- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lí đối với những học sinh không nắm vững kiến thức.
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh.
- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra.

- Phân lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn.
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất.
- Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “Không có phương án nào đúng”.

2.3.4. Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận (vận dụng và vận dụng phân hồi):

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình.
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.
- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.
- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo.
- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó.
- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh.
- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

2.4. Môn Tin học:

- Thời gian làm bài kiểm tra: Bài kiểm tra Tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập lí thuyết và 70% cho bài tập thực hành.
- Đề kiểm tra:
 - + Hiệu trưởng trách nhiệm phân công giáo viên ra đề kiểm tra.
 - + Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn Tin học, được xây dựng từ ma trận đề kiểm tra.
 - + Khuyến khích ra đề kiểm tra lí thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính.
 - + Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ hai bài tập trở lên từ cơ bản (thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (thực hành sáng tạo).
- Đánh giá: Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lí thuyết và thực hành với tỉ lệ 50% lí thuyết và 50% thực hành.

2.5. Môn Tiếng Anh (Chương trình 2 tiết/tuần và Chương trình 4 tiết/tuần):

Trường chủ động sắp xếp lịch kiểm tra cuối học kì I;

2.5.1. Nội dung kiểm tra:

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Học sinh học theo bộ sách nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó.

2.5.2. Thời gian làm bài kiểm tra:

Bài kiểm tra cuối học kì I môn Tiếng Anh được tiến hành trong thời gian 40 phút cho 03 kĩ năng: Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (15 phút). Riêng kĩ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.

2.5.3. Đánh giá:

Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị hiệu trưởng các trường triển khai các nội dung trên đến từng giáo viên để thực hiện việc kiểm tra cuối học kì I nhẹ nhàng, không căng thẳng nhưng thật sự có chất lượng, đạt yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề t/h);
- Lãnh đạo Phòng (đề b/c);
- Lưu: VT, CMTH.

